

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRA-ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: *State Securities Commission of Vietnam*
Hanoi Stock Exchange
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Name of organization: Masan Group Corporation

Mã chứng khoán/Mã thành viên: **MSN**

Stock code/ Broker code: MSN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Address: No. 23 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại liên hệ/Tel.: 28 6256 3862

Fax: 28 3827 4115

2. Nội dung thông tin công bố: Nghị quyết HĐQT số 295/2025/NQ-HĐQT ngày 10/7/2025 thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025 và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP.

Contents of disclosure: Resolution of Board of Directors No. 295/2025/NQ-HĐQT dated 10 July 2025 approving the Policy on Issuance of Shares Under the ESOP in 2025 ("ESOP Policy") and the list of employees participating in ESOP Policy.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/07/2025 tại đường dẫn <https://masangroup.com/vi/investor-relations.html>

This information was disclosed in the folder Corporate Announcements of section Investor Center on the Company's website on 10 July 2025 at <https://masangroup.com/investor-relations.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố như nêu tại Mục 2;

Documents related to disclosed information at mentioned in Item 2.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized representative for information disclosure
LUẬT SƯ TRƯỞNG / GENERAL COUNSEL



TRẦN PHƯƠNG BẮC



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN MASAN**
Số: 295.../2025/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“**Công ty**”) ngày 26/4/2024;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 204/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025; và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Thư xin ý kiến Hội đồng Quản trị số 294.../2025/BBKP-HĐQT ngày 10/7/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025 của Công ty (đính kèm).

Điều 2: Thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như được quy định tại phụ lục đính kèm.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN ĐĂNG QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

GCN ĐKDN số: 0303576603, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 18/11/2004,
được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6256 3862

Fax: (84-28) 3827 4115

M A S A N
GROUP



QUY CHẾ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2025

THÁNG 7 NĂM 2025

Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 (Gọi tắt là chương trình ESOP) là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho những người lao động, nhân viên (có đủ điều kiện và tiêu chuẩn như được trình bày bên dưới để tham gia chương trình) cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Công ty) và Tập đoàn Masan thông qua việc có cơ hội sở hữu cổ phần Công ty với giá ưu đãi so với giá thị trường.

1. MỤC ĐÍCH:

- Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, các công ty con trong Tập đoàn Masan nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty ngày 25/6/2024 (Điều lệ);
- Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 204/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; và
- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số ~~292~~/2025/NQ-HĐQT ngày ~~10~~../7/2025 thông qua việc phát hành cổ phiếu ESOP.

3. ĐỊNH NGHĨA:

- “**Chương trình ESOP**”: là Chương trình phát hành cổ phần của Công ty một cách trực tiếp cho CBNV theo quy định của Quy chế này.
- “**Cán bộ, nhân viên**”, “**CBNV**”: là những người lao động, nhân viên của Công ty, các Công ty con trong Tập đoàn Masan.
- “**Thành viên ESOP**”: là CBNV được xét chọn và đã thực hiện việc mua cổ phần từ Chương trình ESOP.
- “**HĐQT**”: là Hội đồng Quản trị.
- “**ĐHĐCĐ**”: là Đại hội đồng cổ đông.
- “**Tập đoàn**”: bao gồm Công ty và các Công ty con.
- “**Công ty**”: là Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP:

4.1. Nguyên tắc của Chương trình ESOP:

- CBNV tham gia Chương trình ESOP một cách hoàn toàn tự nguyện và có quyền, nghĩa vụ theo Quy chế này.
- Nguồn cổ phần cho Chương trình ESOP: phát hành thêm 7.564.640 cổ phần, tương đương với tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá là 75.646.400.000 đồng.
- Loại cổ phần áp dụng cho Chương trình ESOP: cổ phần phổ thông.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4.2. Đối tượng tham gia Chương trình ESOP: là nhân viên của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các công ty con.

4.3. Quyền và nghĩa vụ Thành viên ESOP:

- Được hưởng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định, quy chế của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Thành viên ESOP.
- Cam kết nỗ lực trong việc đạt mục tiêu được giao và ngày càng mang lại nhiều hiệu quả hơn cho công việc của bộ phận mà Thành viên ESOP làm việc.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty:

- Chịu trách nhiệm phát hành cổ phần ESOP theo đúng đối tượng và số lượng được duyệt.
- Công bố thông tin về việc phát hành và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ESOP theo quy định.

4.5. Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV:

Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn 1: Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
- Tiêu chuẩn 2: Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
- Tiêu chuẩn 3: Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
- Tiêu chuẩn 4: Chức vụ;
- Tiêu chuẩn 5: Mức lương; và
- Tiêu chuẩn 6: Ngạch bậc.

Căn cứ theo các tiêu chuẩn nêu trên, Hội đồng Quản trị quyết định từng tiêu chí đánh giá cụ thể nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.

4.6. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.
- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến

phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.
- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 5 tiêu chí:

- Hệ số Kết quả kinh doanh của Công ty (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả kinh doanh của công ty	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)
Không đạt Kế hoạch kinh doanh	Tối đa 0,65
Đạt kế hoạch kinh doanh ở mức thấp	0,65 - 0,8
Nằm trong khung kế hoạch kinh doanh ở mức thấp và mức cao	0,8 - 0,9
Đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh ở mức cao	0,9 - 1,0

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (Tiêu chuẩn 3):

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, bao gồm chức vụ, mức lương và ngạch bậc (Tiêu chuẩn 4,5,6):

Cấp bậc	Điểm cấp bậc	Hệ số cấp bậc (1 điểm = hệ số 0.0001) (c)
Cấp bậc nhân viên (rank 6)	3,5 - 4	0,00035 - 0,0004
Cấp bậc nhân viên (rank 5)	4,5 - 5,5	0,00045 - 0,00055
Cấp bậc chuyên viên (rank 4)	6 - 10	0,0006 - 0,001
Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	25 - 60	0,0025 - 0,006
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	80 - 150	0,008 - 0,015
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	200 trở lên	0,02 trở lên

- Hệ số công việc (Tiêu chuẩn 2,3): là hệ số thể hiện tính chất công việc (trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách), kết quả đóng góp của cá nhân cho sự phát triển của Công ty và các công ty con, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2024.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (d)
Ít quan trọng	0,1 - 0,99
Quan trọng	1 - 1,49
Rất quan trọng	1,5 - 2

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (Tiêu chuẩn 3):

Lưu ý: Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (e)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,5 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,71 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	1 trở lên

- Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch, mang lại kết quả đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty và các công ty con sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (g)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 05 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (làm tròn):

$$ESOP_i = \text{Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) \times (e) + (g)$$

Trong đó:

- $ESOP_i$: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động i được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 7.564.640 cổ phiếu (tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty)
- (a): Hệ số Kết quả kinh doanh của công ty thành viên nơi Người lao động i làm việc
- (b): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động i
- (c): Là hệ số cấp bậc của Người lao động i

- (d): Là hệ số công việc của Người lao động i
- (e): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i
- (g): Số cổ phiếu Người lao động i được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2024

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
 - Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
 - Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả của dự án,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.**

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn, nguyên tắc và tiêu chí tại Quy chế này, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị sẽ cân đối, điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.

4.7. Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Chương trình ESOP:

- HĐQT Công ty có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế Chương trình ESOP phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty và các Công ty con.
- Khi có quy định mới của pháp luật liên quan đến việc phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động, Quy chế này sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tp. HCM, ngày .10... tháng ... năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐĂNG QUANG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

STT	HỌ VÀ TÊN
1.	Bùi Cao Khanh
2.	Bùi Minh Hải
3.	Bùi Ngọc Huy
4.	Bùi Nhật Hạ
5.	Bùi Vân Hương
6.	Bùi Xuân Mỹ
7.	Cao Thu Hương
8.	Cáp Tuấn Biên
9.	Đặng Lê Trí Đức
10.	Đặng Quốc Cường
11.	Đặng Văn Ánh
12.	Danny Le
13.	Diệp Khánh Tường
14.	Đinh Tiến Lộc
15.	Đỗ Đức Mạnh
16.	Đỗ Thành Biên
17.	Đỗ Thị Hoàng Yến
18.	Đỗ Thị Phương Thúy
19.	Đoàn Thị Mỹ Duyên
20.	Dương Hoàng Phú
21.	Dương Ngọc Hằng
22.	Hà Thị Hương
23.	Hồ Thúy Hạnh
24.	Hoàng Hữu Hà
25.	Hoàng Quốc Việt
26.	Huynh Chow Oie
27.	Huỳnh Minh Đạo
28.	Huỳnh Ngọc Duy
29.	Huỳnh Ngọc Thi
30.	Huỳnh Thị Mai Linh
31.	Huỳnh Trần Vỹ
32.	Lâm Trí Thắng
33.	Lê Bá Nam Anh
34.	Lê Cảnh Hạnh
35.	Lê Hồ Khắc Huy
36.	Lê Kim Hồng
37.	Lê Minh Chuyên
38.	Lê Minh Trí
39.	Lê Ngọc Phương
40.	Lê Như Quỳnh
41.	Lê Thị Hồng Ánh
42.	Lê Thị Nga
43.	Lê Thị Ngọc Hiếu
44.	Lê Thị Ngọc Mai
45.	Lê Thị Ngọc Nguyên
46.	Lê Thị Quỳnh Anh
47.	Lê Thị Thùy Trang
48.	Lê Việt Thanh Hà
49.	Lê Xuân Ngân
50.	Lương Hoàng Tuấn
51.	Lương Thị Thanh Thúy
52.	Lương Thị Thu Hiền

53.	Luong Vinh An
54.	Lương Xuân Duy
55.	Lý Duy Thịnh
56.	Lý Tuấn Anh
57.	Mai Trung Dũng
58.	Mai Văn Việt
59.	Marques Gianoli Carmen Patricia
60.	Ngô Ngọc Phương Trang
61.	Ngô Quang Hiến
62.	Ngô Thị Nhật Bình
63.	Ngô Vương Tùng
64.	Nguyễn Bảo Huyền Trân
65.	Nguyễn Bích Hà Nguyễn
66.	Nguyễn Bình Minh
67.	Nguyễn Cảnh Hạnh
68.	Nguyễn Đắc Cường
69.	Nguyễn Đức Cường
70.	Nguyễn Đức Thịnh
71.	Nguyễn Hoài Nam
72.	Nguyễn Hoàng Mai Phương
73.	Nguyễn Hồng Hạnh
74.	Nguyễn Hồng Sơn
75.	Nguyễn Hữu Duy
76.	Nguyễn Hữu Ten
77.	Nguyễn Hữu Thành
78.	Nguyễn Huy Hùng
79.	Nguyễn Lý Thùy Dung
80.	Nguyễn Mai Hoàng Tuấn
81.	Nguyễn Mạnh Cường
82.	Nguyễn Ngọc Cẩm Uyên
83.	Nguyễn Phạm Quang Vũ
84.	Nguyễn Phương Trường Anh
85.	Nguyễn Quốc Khánh
86.	Nguyễn Quốc Việt
87.	Nguyễn Quỳnh Lâm
88.	Nguyễn Sơn Hà
89.	Nguyễn Tâm Thanh
90.	Nguyễn Tấn Nhanh
91.	Nguyễn Tấn Tài
92.	Nguyễn Thái Nguyên
93.	Nguyễn Thanh Cúc
94.	Nguyễn Thanh Minh
95.	Nguyễn Thanh Phú
96.	Nguyễn Thanh Tùng
97.	Nguyễn Thế Vũ
98.	Nguyễn Thị Bích Thủy
99.	Nguyễn Thị Hải Yến
100.	Nguyễn Thị Phương Trà
101.	Nguyễn Thị Tâm
102.	Nguyễn Thiệu Nam
103.	Nguyễn Thiệu Thu Uyên
104.	Nguyễn Thu Hiền
105.	Nguyễn Thùy Linh
106.	Nguyễn Trọng Khoa
107.	Nguyễn Tuyết Mai

108.	Nguyễn Văn Định
109.	Nguyễn Văn Hưng
110.	Nguyễn Văn Thân
111.	Ninh Xuân Hà
112.	Phạm Anh Sơn
113.	Phạm Đức Nam
114.	Phạm Hải Triều
115.	Phạm Hồng Sơn
116.	Phạm Thành Đạt
117.	Phạm Thị Hồng Vân
118.	Phạm Thị Thanh Nhân
119.	Phạm Thị Thanh Thảo
120.	Phạm Thị Thúy Nga
121.	Phạm Toàn Trí
122.	Phạm Tuấn Huy
123.	Phạm Văn Dũng
124.	Phạm Văn Hùng
125.	Phan Chiến Thắng
126.	Phan Công Thiện
127.	Phan Thị Thảo Hương
128.	Phan Thị Thúy Hoa
129.	Phan Tiến Cường
130.	Tạ Minh Anh
131.	Tạ Thị Thùy Trang
132.	Tammy Thi Phan
133.	Thiệu Ngọc Dân Thịnh
134.	Trần Anh Thư
135.	Trần Đăng Khoa
136.	Trần Hà Chung
137.	Trần Hoàng Vũ
138.	Trần Huỳnh Thy
139.	Trần Ngọc Đức
140.	Trần Phương Bắc
141.	Trần Quốc Đạt
142.	Trần Quốc Trung
143.	Trần Thị Huỳnh Như
144.	Trần Thị Phương Lan
145.	Trần Thuận Phong
146.	Trần Thùy Dương
147.	Trịnh Thái Sơn
148.	Trương Thị Huyền Nga
149.	Võ Phú Tân
150.	Võ Thùy Kim Ngân
151.	Vũ Thanh Bình
152.	Vũ Thị Thu Thủy
153.	Vương Đình Thắng
154.	Vương Hoàng Hiếu
155.	Vương Quốc Chiến

**BẢNG TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA
THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

(kèm theo Danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP tại Nghị quyết HĐQT
số 295./2025/NQ-HĐQT ngày 10./7/2025)

S T T	Họ tên	Hệ số kế quả kinh doanh của công ty (a)	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)	Hệ số cấp bậc (c)	Hệ số công việc (d)	Hệ số kết quả công việc của cá nhân (e)	Số lượng ESOP được phân phối thêm (cổ phiếu) (g)	Số lượng ESOP tối đa được mua (= 5.257.247x a x b x c x d x e + g) (cổ phiếu)
1.	Bùi Cao Khanh	0,7	0,75	0,0025	1,1	0,6126		6.690
2.	Bùi Minh Hải	0,7	0,75	0,004	1,1	0,7212		12.602
3.	Bùi Ngọc Huy	0,85	0,7	0,0006	0,9	0,8179		1.987
4.	Bùi Nhật Hạ	0,85	0,82	0,0025	1	0,7373		9.718
5.	Bùi Vân Hương	0,88	0,82	0,01	1,2	1,138	200.000	274.543
6.	Bùi Xuân Mỹ	0,7	0,75	0,0006	1,1	0,7634		2.000
7.	Cao Thu Hương	0,85	0,82	0,008	1,5	0,6438		40.733
8.	Cáp Tuấn Biên	0,7	0,75	0,0008	1,35	0,9327		4.000
9.	Đặng Lê Trí Đức	0,85	0,82	0,004	1,3	0,8241		22.594
10.	Đặng Quốc Cường	0,85	0,75	0,015	0,6	0,5213		22.625
11.	Đặng Văn Ánh	0,85	0,75	0,01	0,3	0,5865		8.485
12.	Danny Le	0,85	0,8	0,03	2	0,8101		250.027
13.	Diệp Khánh Tường	0,85	0,7	0,0006	0,9	0,8292		2.015
14.	Đinh Tiến Lộc	0,85	0,7	0,0025	0,55	0,546		3.379
15.	Đỗ Đức Mạnh	0,7	0,75	0,0025	1,2	0,8394		10.000
16.	Đỗ Thành Biên	0,7	0,75	0,004	1,2	0,7709		14.695
17.	Đỗ Thị Hoàng Yến	0,85	0,82	0,008	1	1,106	200.000	246.651
18.	Đỗ Thị Phương Thúy	0,85	0,78	0,001	0,6	0,5257		1.581
19.	Đoàn Thị Mỹ Duyên	0,85	0,82	0,02	1,6	0,6084		102.650
20.	Dương Hoàng Phú	0,85	0,85	0,006	1,4	0,7601		34.896
21.	Dương Ngọc Hằng	0,7	0,75	0,0008	1,2	0,682		2.600
22.	Hà Thị Hương	0,88	0,95	0,01	1,1	1,115	200.000	277.564
23.	Hồ Thúy Hạnh	0,88	0,87	0,01	1,2	1,107	200.000	276.934
24.	Hoàng Hữu Hà	0,7	0,75	0,008	1,2	0,8179		31.183
25.	Hoàng Quốc Việt	0,85	0,9	0,006	1,4	0,8704		42.310
26.	Huỳnh Chow Oie	0,85	0,82	0,01	1,5	0,9175		72.563
27.	Huỳnh Minh Đạo	0,85	0,78	0,004	0,6	0,5288		6.365
28.	Huỳnh Ngọc Duy	0,7	0,75	0,001	0,75	0,5039		1.500
29.	Huỳnh Ngọc Thi	0,85	0,7	0,0006	0,3	0,503		407
30.	Huỳnh Thị Mai Linh	0,85	0,82	0,006	1,25	0,8111		32.074
31.	Huỳnh Trần Vỹ	0,85	0,85	0,015	1,9	0,97		151.092
32.	Lâm Trí Thắng	0,7	0,75	0,006	0,65	0,5412		8.382
33.	Lê Bá Nam Anh	0,85	0,85	0,015	1,75	0,964		138.303
34.	Lê Cảnh Hạnh	0,85	0,78	0,008	0,7	0,5922		16.632
35.	Lê Hồ Khắc Huy	0,85	0,85	0,001	0,95	0,7954		4.129
36.	Lê Kim Hồng	0,7	0,75	0,006	0,4	0,5558		5.297
37.	Lê Minh Chuyên	0,85	0,78	0,004	1,3	0,7657		19.969
38.	Lê Minh Trí	0,7	0,75	0,0025	1,2	0,7813		9.308
39.	Lê Ngọc Phương	0,85	0,82	0,01	1,6	0,8805		74.279
40.	Lê Như Quỳnh	0,85	0,75	0,0006	0,55	0,547		870
41.	Lê Thị Hồng Ánh	0,85	0,9	0,015	1,5	0,829		107.941
42.	Lê Thị Nga	0,88	0,9	0,02	1,1	1,06	150.000	289.714
43.	Lê Thị Ngọc Hiếu	0,85	0,82	0,004	1,1	0,83		19.255
44.	Lê Thị Ngọc Mai	0,85	0,78	0,001	0,55	0,531		1.464
45.	Lê Thị Ngọc Nguyên	0,85	0,7	0,00055	0,85	0,7985		1.680
46.	Lê Thị Quỳnh Anh	0,85	0,7	0,004	0,6	0,5541		5.985
47.	Lê Thị Thùy Trang	0,85	0,82	0,006	1,3	1,0545	150.000	193.367

48.	Lê Việt Thanh Hà	0,85	0,75	0,006	0,2	0,5261		3.044
49.	Lê Xuân Ngân	0,7	0,75	0,0025	1,4	0,8634		12.001
50.	Lương Hoàng Tuấn	0,7	0,75	0,004	0,35	0,5396		3.000
51.	Lương Thị Thanh Thủy	0,85	0,82	0,001	0,95	0,8236		4.125
52.	Lương Thị Thu Hiền	0,85	0,85	0,0025	1,2	0,8921		14.627
53.	Luong Vinh An	0,85	0,75	0,008	1,25	0,7948		38.328
54.	Lương Xuân Duy	0,85	0,78	0,0025	0,95	0,7871		9.375
55.	Lý Duy Thịnh	0,7	0,75	0,0025	0,4	0,5275		2.094
56.	Lý Tuấn Anh	0,7	0,75	0,0008	1,35	0,9328		4.000
57.	Mai Trung Dũng	0,85	0,75	0,02	1,35	0,6516		84.842
58.	Mai Văn Việt	0,7	0,75	0,0025	1,1	0,6333		6.916
59.	Marques Gianoli Carmen Patricia	0,75	0,75	0,02	0,4	0,5141		17.500
60.	Ngô Ngọc Phương Trang	0,85	0,75	0,001	1,1	0,8546		4.533
61.	Ngô Quang Hiền	0,85	0,82	0,01	0,7	0,3636		13.419
62.	Ngô Thị Nhật Bình	0,85	0,78	0,0025	1,5	0,9294		17.479
63.	Ngô Vương Tùng	0,7	0,75	0,001	0,15	0,59		351
64.	Nguyễn Bảo Huyền Trân	0,85	0,7	0,001	1,3	0,8652		5.062
65.	Nguyễn Bích Hà Nguyên	0,85	0,82	0,008	1	1,1	200.000	246.398
66.	Nguyễn Bình Minh	0,7	0,75	0,0025	1,3	0,9143		11.801
67.	Nguyễn Cảnh Hạnh	0,85	0,82	0,006	1,1	1,14	200.000	239.670
68.	Nguyễn Đắc Cường	0,7	0,75	0,004	0,25	0,5432		2.157
69.	Nguyễn Đức Cường	0,85	0,7	0,0025	1,1	0,6977		8.635
70.	Nguyễn Đức Thịnh	0,7	0,75	0,0008	1,5	0,8945		4.262
71.	Nguyễn Hoài Nam	0,7	0,75	0,001	1,3	0,7749		4.000
72.	Nguyễn Hoàng Mai Phương	0,7	0,75	0,0006	1,1	0,7634		2.000
73.	Nguyễn Hồng Hạnh	0,85	0,78	0,001	0,9	0,6389		2.883
74.	Nguyễn Hồng Sơn	0,7	0,75	0,004	1,1	0,7859		13.733
75.	Nguyễn Hữu Duy	0,7	0,75	0,001	0,2	0,51		405
76.	Nguyễn Hữu Ten	0,7	0,75	0,01	0,3	0,5304		6.319
77.	Nguyễn Hữu Thành	0,7	0,75	0,0005	0,5	0,605		600
78.	Nguyễn Huy Hùng	0,85	0,82	0,015	1,5	0,7462		88.523
79.	Nguyễn Lý Thùy Dung	0,85	0,9	0,001	1,5	0,9144		7.937
80.	Nguyễn Mai Hoàng Tuấn	0,85	0,78	0,004	1,7	0,9162		31.246
81.	Nguyễn Mạnh Cường	0,85	0,78	0,0025	0,9	0,714		8.057
82.	Nguyễn Ngọc Cẩm Uyên	0,85	0,82	0,006	1,45	0,9349		42.885
83.	Nguyễn Phạm Quang Vũ	0,7	0,75	0,001	0,7	0,5173		1.438
84.	Nguyễn Phương Trường Anh	0,85	0,75	0,008	1,1	0,8133		34.514
85.	Nguyễn Quốc Khánh	0,85	0,78	0,001	0,5	0,5705		1.430
86.	Nguyễn Quốc Việt	0,7	0,75	0,0006	0,8	0,525		1.000
87.	Nguyễn Quỳnh Lâm	0,85	0,82	0,015	1,5	1,022	100.000	221.242
88.	Nguyễn Sơn Hà	0,85	0,75	0,001	0,1	0,511		246
89.	Nguyễn Tâm Thanh	0,85	0,9	0,02	1,75	0,8777		177.772
90.	Nguyễn Tấn Nhanh	0,85	0,78	0,0008	0,8	0,597		1.916
91.	Nguyễn Tấn Tài	0,7	0,75	0,001	0,7	0,5195		1.444
92.	Nguyễn Thái Nguyên	0,7	0,75	0,008	1,4	0,9285		41.299
93.	Nguyễn Thanh Cúc	0,85	0,75	0,006	1,6	0,9463		43.809
94.	Nguyễn Thanh Minh	0,7	0,75	0,0025	1,5	0,967		14.401
95.	Nguyễn Thanh Phú	0,85	0,9	0,001	1,5	0,8795		7.634
96.	Nguyễn Thanh Tùng	0,85	0,82	0,006	1,35	0,8375		35.767
97.	Nguyễn Thế Vũ	0,85	0,82	0,008	1,6	0,8865		59.828
98.	Nguyễn Thị Bích Thủy	0,88	0,95	0,015	1,3	1,06	150.000	280.717
99.	Nguyễn Thị Hải Yến	0,85	0,82	0,006	1,62	0,892		45.714
100.	Nguyễn Thị Phương Trà	0,85	0,78	0,004	1,5	0,945		28.437
101.	Nguyễn Thị Tâm	0,7	0,75	0,004	1	0,5342		8.486
102.	Nguyễn Thiệu Nam	0,85	0,82	0,025	1,7	0,6602		147.939
103.	Nguyễn Thiệu Thu Uyên	0,85	0,78	0,00035	0,3	1	100.000	100.526
104.	Nguyễn Thu Hiền	0,85	0,8	0,01	1,7	0,8741		76.437
105.	Nguyễn Thùy Linh	0,85	0,7	0,0025	0,6	0,541		3.652
106.	Nguyễn Trọng Khoa	0,85	0,85	0,01	1	0,5524		30.191
107.	Nguyễn Tuyết Mai	0,7	0,75	0,0025	1,1	0,6263		6.840

108.	Nguyễn Văn Định	0,7	0,75	0,0006	1,2	0,7695		2.200
109.	Nguyễn Văn Hưng	0,7	0,75	0,004	1,1	0,7444		13.007
110.	Nguyễn Văn Thân	0,85	0,8	0,004	0,7	0,6432		9.264
111.	Ninh Xuân Hà	0,85	0,78	0,001	0,8	0,5425		2.176
112.	Phạm Anh Sơn	0,85	0,75	0,008	0,25	0,277		2.671
113.	Phạm Đức Nam	0,7	0,75	0,0025	1,5	0,9401		14.000
114.	Phạm Hải Triều	0,85	0,85	0,01	1,7	0,9576		88.973
115.	Phạm Hồng Sơn	0,8	0,75	0,025	1,2	1,051	150.000	293.107
116.	Phạm Thành Đạt	0,85	0,75	0,006	0,6	0,5784		10.041
117.	Phạm Thị Hồng Vân	0,85	0,78	0,006	1,2	0,8352		30.159
118.	Phạm Thị Thanh Nhân	0,7	0,75	0,001	1,3	0,8717		4.500
119.	Phạm Thị Thanh Thảo	0,7	0,75	0,004	1,4	0,9088		20.211
120.	Phạm Thị Thủy Nga	0,85	0,75	0,001	0,15	0,57		412
121.	Phạm Toàn Tri	0,7	0,75	0,0006	1,1	0,8395		2.200
122.	Phạm Tuấn Huy	0,85	0,82	0,004	1	0,688		14.510
123.	Phạm Văn Dũng	0,7	0,75	0,0025	1,2	0,7081		8.436
124.	Phạm Văn Hùng	0,88	0,95	0,008	1,1	1,1105	200.000	261.801
125.	Phan Chiến Thắng	0,85	0,82	0,01	1,55	0,8451		69.065
126.	Phan Công Thiện	0,85	0,82	0,006	1,35	0,7904		33.756
127.	Phan Thị Thảo Hương	0,7	0,75	0,0025	0,3	0,5785		1.723
128.	Phan Thị Thủy Hoa	0,88	0,87	0,01	1,15	1,1312	200.000	275.340
129.	Phan Tiến Cường	0,7	0,75	0,0025	1,2	0,8394		10.000
130.	Tạ Minh Anh	0,85	0,75	0,006	1	0,7362		21.301
131.	Tạ Thị Thủy Trang	0,85	0,82	0,006	1,1	1,1144	200.000	238.779
132.	Tammy Thị Phan	0,85	0,75	0,015	0,9	0,5049		32.870
133.	Thiệu Ngọc Dân Thịnh	0,85	0,82	0,006	1,35	0,8161		34.853
134.	Trần Anh Thư	0,85	0,75	0,001	0,8	0,6773		2.613
135.	Trần Đăng Khoa	0,7	0,75	0,001	1,6	0,9444		6.000
136.	Trần Hà Chung	0,85	0,9	0,01	1,6	0,8687		80.433
137.	Trần Hoàng Vũ	0,85	0,82	0,0025	1,35	0,8837		15.725
138.	Trần Huỳnh Thy	0,85	0,75	0,004	1,45	0,9022		25.234
139.	Trần Ngọc Đức	0,7	0,75	0,0006	0,25	0,505		300
140.	Trần Phương Bắc	0,85	0,82	0,02	1,75	0,8448		155.898
141.	Trần Quốc Đạt	0,85	0,82	0,01	1,65	0,8295		72.164
142.	Trần Quốc Trung	0,85	0,85	0,004	0,8	0,5949		10.404
143.	Trần Thị Huỳnh Như	0,85	0,7	0,0025	1,3	0,9026		13.203
144.	Trần Thị Phương Lan	0,85	0,82	0,0006	0,85	0,6675		1.794
145.	Trần Thuận Phong	0,85	0,78	0,008	1,5	0,8334		50.157
146.	Trần Thùy Dương	0,85	0,82	0,0025	1,3	0,9034		15.480
147.	Trịnh Thái Sơn	0,85	0,85	0,0008	1	0,6668		2.915
148.	Trương Thị Huyền Nga	0,85	0,75	0,006	0,15	0,3231		1.402
149.	Võ Phú Tân	0,7	0,75	0,001	1,55	0,9607		5.913
150.	Võ Thùy Kim Ngân	0,85	0,78	0,0025	0,75	0,7139		6.713
151.	Vũ Thanh Bình	0,88	0,75	0,01	1,25	1,135	200.000	270.833
152.	Vũ Thị Thu Thủy	0,85	0,78	0,015	1,75	0,8559		112.681
153.	Vương Đình Thắng	0,7	0,75	0,006	0,5	0,5455		6.499
154.	Vương Hoàng Hiếu	0,7	0,75	0,001	1,6	0,9444		6.000
155.	Vương Quốc Chiến	0,7	0,75	0,004	1	0,5666		9.000
Tổng cộng								7.564.640